

Số: 48 /QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy cho sinh viên các khóa xét tốt nghiệp tháng 02/2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường;

Căn cứ Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 573/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-LTT-ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 713/QĐ-LTT-ĐT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại trường;

Căn cứ Quyết định số 375/QĐ-LTT-ĐT ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-LTT-ĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của

các Quyết định quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 704/QĐ-LTT-ĐT ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về Kiện toàn Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm học 2025 -2026;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên Trung cấp, Cao đẳng năm học 2025 -2026 ngày 05 tháng 02 năm 2026 về việc xét tốt nghiệp Trung cấp, cao đẳng cho sinh viên các khóa;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo – Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp Trung cấp hệ chính quy cho **146** sinh viên các khóa xét tốt nghiệp tháng 02/2026 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học, tiếng Anh, Ngoại ngữ theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp theo quy định hiện hành.

Điều 3. Sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (Thơ).

Q. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA
 ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP
 ĐỢT XÉT THÁNG 02/2026**

*(Kèm theo Quyết định số 48 /QĐ-LTT-ĐT ngày 06 tháng 02 năm 2026
 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
1	18000125	Nguyễn Gia	Huy	Nam	21/01/2003	18T4-CNÔ1	6,06		Trung bình	X		Đi NVQS
2	19001747	Lê Cao	Mỹ	Nam	15/11/2004	19T4-ĐCN1	6,05		Trung bình			Đi NVQS
3	19000815	Lê Đình	An	Nam	20/02/2004	19T4-ĐĐT1	6,27		Trung bình	X	TOEIC 300	Đi NVQS
4	19000162	Tạ Gia Hữu	Lộc	Nam	15/03/2004	19T4-TKĐ1	7,31		Khá			Đi NVQS
5	20001359	Tạ Minh	Trí	Nam	17/07/2005	20T4-CCK1	6,29		Trung bình	X	TOEIC 300	
6	20001304	Trần Thành	Trung	Nam	08/01/2004	20T4-CCK1	6,48		Trung bình	X		
7	20003239	Nguyễn Trần Phương	Lâm	Nam	03/08/2003	20T4-CCK2	7,07		Khá	X	TOEIC 350	
8	20001094	Huỳnh Hoàng	Huy	Nam	11/12/2005	20T4-CĐT1	7,00		Khá	X		
9	20002434	Phan Công	Thành	Nam	08/07/2005	20T4-CĐT1	6,66		Trung bình			
10	20001828	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	19/05/2005	20T4-CKC1	6,35		Trung bình	X		
11	20002292	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	03/01/2005	20T4-CKL1	6,75		Trung bình	X	TOEIC 300	
12	20000124	Huỳnh Thanh	Quân	Nam	01/05/2005	20T4-CNÔ1	6,42		Trung bình	X	TOEIC 350	
13	20000847	Đoàn Huỳnh	Lâm	Nam	22/03/2004	20T4-CNÔ4	6,58		Trung bình	X		
14	20001996	Vũ Gia	Bảo	Nam	21/10/2005	20T4-CNÔ5	6,18		Trung bình		TOEIC 350	
15	20001637	Đỗ Thành	Nhân	Nam	11/06/2005	20T4-CNÔ5	6,15		Trung bình	X	TOEIC 350	
16	20001250	Nguyễn Văn	Thành	Nam	27/11/2004	20T4-CNÔ5	5,91		Trung bình	X	TOEIC 350	
17	20002575	Bùi Quốc	Huy	Nam	13/02/2005	20T4-ĐCN1	5,96		Trung bình	X	TOEIC 300	
18	20000205	Trịnh	Vinh	Nam	26/10/2005	20T4-ĐCN1	5,91		Trung bình	X	TOEIC 300	
19	20001748	Trần Công	Hậu	Nam	03/07/2005	20T4-ĐĐT1	6,21		Trung bình	X	TOEIC 350	
20	20005475	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	28/09/2005	20T4-ĐĐT1	6,56		Trung bình	X	TOEIC 350	
21	20001295	Phạm Đức	Minh	Nam	04/10/2005	20T4-ĐĐT1	6,00		Trung bình			
22	20001263	Trần Ngọc Bảo	Châu	Nữ	05/08/2005	20T4-KLB1	6,49		Trung bình	X	TOEIC 300	
23	20001937	Trương Quang	Khiêm	Nam	11/12/2005	20T4-KLB1	6,53		Trung bình			
24	20001556	Võ Ngọc Hoài	Như	Nữ	13/04/2005	20T4-KLB1	6,14		Trung bình			
25	20002080	Nguyễn Phan Khánh	Linh	Nữ	27/10/2005	20T4-KTD1	6,17		Trung bình			
26	20002468	Bùi Quang	Hưng	Nam	18/11/2005	20T4-KXD1	5,85		Trung bình	X	TOEIC 350	
27	20002244	Lê Trần Bảo	Long	Nam	22/12/2005	20T4-KXD1	6,18		Trung bình	X		
28	20000110	Kim Gia	Bảo	Nam	01/11/2005	20T4-LTM1	5,59		Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
29	20001438	Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	11/07/2005	20T4-LTM2	6,85		Trung bình		TOEIC 350	
30	20002312	Tạ Trị	Thuận	Nam	19/07/2005	20T4-LTM2	6,52		Trung bình		TOEIC 350	
31	20005593	Nguyễn Huỳnh Công	Quyền	Nam	10/02/2000	20T4-NNA1	6,61		Trung bình	X	X	
32	20000820	Đặng Mai Anh	Thy	Nữ	14/09/2005	20T4-NNA1	6,67		Trung bình	X	X	
33	20003123	Nguyễn Thùy Hoàng	Yến	Nữ	20/05/2005	20T4-NNA1	7,36		Khá		X	
34	20002265	Lê Lưu Quỳnh	Giang	Nữ	24/08/2005	20T4-NNA2	7,64		Khá	X	X	
35	20005421	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	06/10/2005	20T4-NNA2	6,17		Trung bình	X	X	
36	20007594	Trần Gia	Khương	Nam	24/02/2001	20T4-NNA2	6,79		Trung bình	X	X	
37	20003918	Trịnh Quang	Minh	Nam	21/10/2005	20T4-NNA2	6,83		Trung bình	X		
38	20002801	Lê Tú	Quyên	Nữ	19/02/2005	20T4-NNA2	6,79		Trung bình	X	X	
39	20002348	Chu Thị Quỳnh	Mi	Nữ	28/05/2005	20T4-QDL1	6,65		Trung bình			
40	20000464	Phùng Thị Hoài	Thu	Nữ	03/09/2005	20T4-QKS1	6,31		Trung bình			
41	20000252	Lê Trần Minh	Thư	Nữ	01/06/2005	20T4-QKS1	6,22		Trung bình			
42	20000672	Nguyễn Thụy Ánh	Minh	Nữ	15/06/2005	20T4-QTD1	6,65		Trung bình		TOEIC 350	
43	20002444	Lu Trí	Toàn	Nam	21/09/2004	20T4-QTM2	6,33		Trung bình		TOEIC 350	
44	20001386	Đặng Thành	Lợi	Nam	06/01/2005	20T4-TĐH1	6,35		Trung bình	X	TOEIC 350	
45	20001821	Nguyễn Khôi	Nguyên	Nam	07/12/2004	20T4-TĐH1	5,65		Trung bình	X	TOEIC 350	
46	20001586	Nguyễn Bảo	Thịnh	Nam	16/07/2005	20T4-TĐH1	6,54		Trung bình	X	TOEIC 350	
47	20001785	Nguyễn Vân	Tiên	Nam	17/06/2005	20T4-TĐH1	6,25		Trung bình			
48	20005708	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	02/02/2005	20T4-THU1	6,12		Trung bình		TOEIC 350	
49	20005696	Phan Trọng	Tuấn	Nam	11/09/2005	20T4-THU1	5,83		Trung bình		TOEIC 350	
50	20000816	Nguyễn Tuấn	Kiên	Nam	08/10/2005	20T4-TKĐ2	6,45		Trung bình		TOEIC 350	
51	20001054	Trương Trọng	Mẫn	Nam	18/02/2005	20T4-TKĐ2	6,59		Trung bình		TOEIC 350	
52	20001673	Lê Quốc	Anh	Nam	22/09/2005	20T4-TKĐ3	5,95		Trung bình			
53	20001647	Đỗ Minh	Giang	Nam	05/11/2005	20T4-TKW1	5,74		Trung bình			
54	20002239	Vũ Thị Bảo	Hân	Nữ	08/02/2005	20T4-TKW1	6,90		Trung bình		TOEIC 350	
55	20002075	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	18/11/2005	20T4-TMĐ1	6,25		Trung bình	X	TOEIC 350	
56	20001056	Trương Quốc Anh	Việt	Nam	29/01/2005	20T4-VSL1	6,15		Trung bình	X		
57	21002170	Nguyễn Trương Thành Tài		Nam	24/10/2006	21T4-CCK1	6,49		Trung bình			
58	21003027	Nguyễn Hải	Sang	Nam	11/06/2006	21T4-CĐT1	5,80		Trung bình			
59	21002271	Long Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	21/09/2006	21T4-CĐT1	5,71		Trung bình	X		
60	21002413	Cao Trần Quỳnh	Nhi	Nữ	02/03/2006	21T4-CNM1	6,42		Trung bình	X		
61	19001017	Trương Việt	Hoàng	Nam	04/07/2002	21T4-CNÔ2	6,44		Trung bình		TOEIC 350	
62	21000610	Lê Nguyễn Anh	Khoa	Nam	10/04/2006	21T4-CNÔ3	5,58		Trung bình	X	TOEIC 300	
63	21004045	Nguyễn Văn	Hiệp	Nam	28/08/2006	21T4-ĐCN1	5,62		Trung bình	X	TOEIC 300	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
64	21000326	Nguyễn Lê Minh	Trí	Nam	16/11/2006	21T4-ĐCN1	6,72		Trung bình	X	TOEIC 300	
65	21002739	Lê Khánh	Nguyên	Nam	28/06/2006	21T4-ĐHĐ1	5,75		Trung bình		TOEIC 350	
66	21002795	Đàm Minh	Trí	Nam	15/01/2006	21T4-ĐHĐ1	6,51		Trung bình			
67	21002481	Trần Đăng	Dương	Nam	04/07/2006	21T4-KLB1	6,42		Trung bình	X		
68	21002562	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	09/04/2006	21T4-KLB1	6,54		Trung bình		TOEIC 300	
69	21003078	Nguyễn Huỳnh Minh	Tiến	Nam	28/05/2006	21T4-KML1	6,57		Trung bình		TOEIC 350	
70	21000530	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	07/09/2005	21T4-KTD1	6,18		Trung bình			
71	21002012	Bùi Ngọc	Thùy	Nữ	28/04/2006	21T4-KTD1	6,93		Trung bình	X		
72	21004234	Phạm Mộng	Thùy	Nữ	29/08/2005	21T4-KTD1	8,08		Giỏi	X		
73	21000474	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	14/06/2006	21T4-KTD1	7,33		Khá	X		
74	21002328	Nguyễn Phúc	Thiện	Nam	12/11/2006	21T4-KXD1	5,68		Trung bình	X	TOEIC 350	
75	21004321	Tăng	Cường	Nam	06/09/2006	21T4-LGT1	7,33		Khá			
76	21001721	Lê Quốc Nam	Khánh	Nam	04/10/2006	21T4-LTM2	6,14		Trung bình		TOEIC 300	
77	21003848	Trần Tiến	Thịnh	Nam	21/08/2003	21T4-NNA2	6,72		Trung bình	X	X	
78	21003375	Trương Nguyễn Gia	Bảo	Nữ	04/12/2005	21T4-QDL1	6,13		Trung bình			
79	21000692	Phạm Trường	Khang	Nam	10/02/2005	21T4-QKS1	6,74		Trung bình			
80	21003071	Lữ Gia	Bảo	Nữ	30/05/2006	21T4-QTD1	5,87		Trung bình		TOEIC 300	
81	21002950	Phạm Văn	Minh	Nam	04/05/2006	21T4-QTM1	6,35		Trung bình		TOEIC 300	
82	21000597	Đỗ Thị Như	Quỳnh	Nữ	15/02/2006	21T4-TCĐ1	6,63		Trung bình			
83	21004225	Hồ Phú	Đạt	Nam	23/09/2006	21T4-TĐH1	5,58		Trung bình	X		
84	20001403	Trần Thanh	Nhật	Nam	06/08/2004	21T4-TĐH1	5,79		Trung bình		TOEIC 350	
85	21000198	Nguyễn Huy	Thành	Nam	05/10/2005	21T4-THU1	5,86		Trung bình			
86	21000282	Nguyễn Đức	Trí	Nam	11/12/2006	21T4-THU1	6,47		Trung bình		TOEIC 350	
87	21000046	Phạm Anh	Khoa	Nam	04/05/2005	21T4-TKĐ1	5,90		Trung bình		TOEIC 350	
88	21002017	Huỳnh Tuấn	Khanh	Nam	16/12/2006	21T4-TKĐ2	6,06		Trung bình		TOEIC 350	
89	21000157	Trương Thế	Quang	Nam	12/11/2006	21T4-TKĐ2	6,39		Trung bình		TOEIC 350	
90	21002037	Nguyễn Nhật	Tín	Nam	27/01/2006	21T4-VSL1	6,77		Trung bình	X	TOEIC 300	
91	21004208	Tạ Thanh	Tùng	Nam	14/02/2006	21T4-VSL1	6,91		Trung bình	X	TOEIC 300	
92	22003338	Trần Đình	Hào	Nam	18/08/2007	22T4-CCK1		2,28	Trung bình			
93	22001568	Trần Vạn Thiên	Hòa	Nam	29/08/2007	22T4-CĐT1		2,10	Trung bình	X	TOEIC 300	
94	22001861	Phạm Minh	Kha	Nam	28/08/2007	22T4-CĐT1		2,34	Trung bình	X		
95	22003847	Trương Nguyễn Thanh Nhân		Nam	31/07/2006	22T4-CĐT1		2,25	Trung bình	X		
96	22000542	Trương Gia	Bảo	Nam	23/10/2006	22T4-CNÔ1		2,25	Trung bình			
97	22000601	Võ Minh	Khôi	Nam	02/04/2006	22T4-CNÔ1		2,09	Trung bình			
98	22000503	Lại Võ Kim	Lân	Nam	13/11/2007	22T4-CNÔ1		2,02	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
99	22000835	Nguyễn Quốc Gia	Bảo	Nam	19/05/2007	22T4-CNÔ2		2,29	Trung bình	X	TOEIC 300	
100	22000856	Đoàn Duy	Thành	Nam	24/11/2007	22T4-CNÔ2		2,07	Trung bình	X		
101	22000806	Phạm Anh	Tuấn	Nam	04/09/2007	22T4-CNÔ2		2,01	Trung bình		TOEIC 300	
102	22001004	Huỳnh Trí	An	Nam	20/09/2007	22T4-CNÔ3		2,06	Trung bình	X	TOEIC 300	
103	22001056	Nguyễn Cao	Trí	Nam	22/07/2007	22T4-CNÔ3		2,10	Trung bình	X	TOEIC 300	
104	22001327	Từ Dục	Kiệt	Nam	25/02/2007	22T4-CNÔ4		2,02	Trung bình			
105	22005591	Bùi Công	Duy	Nam	12/04/2001	22T4-ĐCN1		2,42	Trung bình	X	TOEIC 300	
106	22003222	Trần Gia	Huy	Nam	13/08/2007	22T4-ĐCN1		2,32	Trung bình			
107	22002663	Hoàng Lê Anh	Khoa	Nam	04/01/2007	22T4-ĐCN1		2,40	Trung bình			
108	22002386	Đinh Trí Thiên	Phú	Nam	07/11/2007	22T4-ĐCN1		2,23	Trung bình			
109	22002059	Tạ Hữu Như	Ý	Nữ	23/02/2007	22T4-ĐHD1		2,21	Trung bình			
110	22000779	Trần Công	Danh	Nam	05/12/2007	22T4-ĐHD2		2,30	Trung bình			
111	22004419	Nguyễn Văn Thành	Đạt	Nam	04/12/2003	22T4-ĐHD2		2,17	Trung bình			
112	22002221	Trần Cao Dù	Phước	Nam	01/01/2005	22T4-ĐHD2		2,44	Trung bình			
113	22001398	Phùng Nguyễn Phương	Bình	Nữ	15/08/2007	22T4-KLB1		2,45	Trung bình			
114	22001516	Nguyễn Minh	Huy	Nam	11/03/2007	22T4-KLB1		2,54	Khá			
115	22001772	Đỗ Dương Bảo	Ngọc	Nữ	03/07/2007	22T4-KLB1		2,58	Khá			
116	22001080	Nguyễn Võ Bảo	Trâm	Nữ	16/06/2007	22T4-KLB1		2,79	Khá			
117	22001905	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Nữ	02/09/2007	22T4-KLB1		2,62	Khá			
118	22002691	Dương Minh	Nhật	Nam	11/08/2007	22T4-KLB2		2,33	Trung bình			
119	22005695	Nguyễn Minh	Duy	Nam	08/09/2005	22T4-KTD1		2,62	Khá	X	TOEIC 300	
120	22001584	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	Nữ	28/03/2007	22T4-KTD1		2,38	Trung bình			
121	22001703	Phạm Tuấn	Khang	Nam	26/05/2006	22T4-LGT1		3,16	Khá	X	TOEIC 350	Sinh viên bị hạ bậc tốt nghiệp (Học lại 3 môn - 8 tín chỉ)
122	22000922	Vũ Đức	Duy	Nam	03/02/2007	22T4-LTM1		2,08	Trung bình			
123	22001124	Cao Thành	Long	Nam	16/12/2006	22T4-LTM1		2,12	Trung bình			
124	22003958	Phạm Thanh	Mai	Nam	20/01/2004	22T4-LTM1		2,59	Khá			
125	22000778	Trần Xuân	Thái	Nam	22/02/2007	22T4-LTM1		2,38	Trung bình		TOEIC 350	
126	22000604	Phan Hữu	Tuấn	Nam	03/04/2006	22T4-LTM1		2,35	Trung bình			
127	22002300	Lê Quốc	Việt	Nam	30/04/2007	22T4-LTM1		2,65	Khá			
128	22001547	Nguyễn Đức	Minh	Nam	11/01/2004	22T4-LTM2		3,12	Giỏi		TOEIC 350	
129	22001993	Trương Hoài	Thương	Nam	18/12/2007	22T4-LTM2		2,32	Trung bình			
130	22001692	Lê Phi	Dương	Nam	18/05/2007	22T4-NTN1		2,15	Trung bình			
131	22002223	Đỗ Thị Xuân	Mai	Nữ	10/09/2006	22T4-QDL1		2,54	Khá	X		
132	22000586	Nguyễn Lê Nhật	Nam	Nam	04/03/1999	22T4-QDL1		2,84	Khá	X		
133	22001255	Vũ Ngọc Ngân	Quỳnh	Nữ	17/09/2007	22T4-QKS1		2,37	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBC TL hệ 10	TBC TL hệ 4	Xếp loại TN	Có chứng chỉ		Ghi chú
										Tin học	Tiếng Anh/ Ngoại ngữ 2	
134	22002016	Nguyễn Trung	Nghĩa	Nam	04/06/2006	22T4-QTD1		2,14	Trung bình	X		
135	22001429	Mã Thị Như	Thảo	Nữ	27/05/2007	22T4-TCD1		2,46	Trung bình	X		
136	22001923	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	01/01/2007	22T4-TĐH1		2,01	Trung bình		TOEIC 300	
137	22000822	Nguyễn Văn Quốc	Đạt	Nam	25/10/2006	22T4-TKĐ1		2,40	Trung bình			
138	22000517	Nguyễn Phú Quỳnh	Hoa	Nữ	14/07/2007	22T4-TKĐ1		2,48	Trung bình			
139	22000794	Nguyễn Kỳ	Phong	Nam	23/01/2007	22T4-TKĐ1		2,38	Trung bình			
140	22000803	Trần Ngọc Cát	Tường	Nữ	20/04/2006	22T4-TKĐ1		2,99	Khá		TOEIC 300	
141	21000657	Đào Thành	Đạt	Nam	30/12/2006	22T4-TKĐ2		2,71	Khá		TOEIC 300	
142	22001111	Huỳnh Cẩm	Tiên	Nữ	12/06/2007	22T4-TKĐ2		2,93	Khá			
143	22002019	Võ Quốc	Huy	Nam	25/11/2007	22T4-VSL1		2,38	Trung bình			
144	22001049	Phùng Ngọc Duy	Tân	Nam	02/03/2006	22T4-VSL1		2,94	Khá	X	TOEIC 350	
145	23005288	Kim Hoàng	Anh	Nam	27/09/2008	23T3-ĐCNIDH		2,62	Khá		TOEIC 300	
146	23005289	Thạch Na	Rình	Nam	07/09/2008	23T3-ĐCNIDH		2,69	Khá		TOEIC 300	

Tổng cộng danh sách có **146** sinh viên.

* Loại **GIỎI** : 02 SV # 1,37 %
 * Loại **KHÁ** : 23 SV # 15,75 %
 * Loại **TRUNG BÌNH** : 121 SV # 82,88 %

Trong đó: Đã có CC Anh văn/Ngoại ngữ 2 : 69
 Đã có CC Tin học : 60 (trừ SV các ngành thuộc khoa CNTT)



